TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* bà Châu Thị Hồng Đào

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Soan

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Tuyến là thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5610/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: số 266-268 đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Dương Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ nơi làm việc: số 266-268 đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2917/2024/UQ-TT.XLN ngày 31/12/2024).

- *Bị đơn:* bà Đỗ Thị Hoàng O, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: nhà không số (87/1), khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T và bà O vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2023, bà Đỗ Thị Hoàng O có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa có số thẻ là 436438-9209 với hạn mức sử dụng là 40,000,000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất 2.48%/1 tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà O đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/02/2023 đến ngày 05/10/2023 với tổng số tiền là 311,375,103 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà O phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà O đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 274,827,300 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 06/02/2024 (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 44,133,346 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Bà Đỗ Thị Hoàng O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 84,169,485 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 44,133,346 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 05/02/2026: 40,036,139 đồng

- Bà Đỗ Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. *Bị đơn – bà Đỗ Thị Hoàng O không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà O trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Bà O cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà O nhưng bà O vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân do bà O ký ngày 04/01/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và bảng tóm tắt sao kê đến ngày 05/02/2026 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu bà O trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 05/02/2026 là 84,169,485 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu bà O có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân do bà O ký ngày 04/01/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử cần buộc bà O trả tất cả các khoản nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Đỗ Thị Hoàng O trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số nợ là 84,169,485 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 44,133,346 (bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi sáu) đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05/02/2026 là 40,036,139 (bốn mươi triệu không trăm ba mươi sáu ngàn một trăm ba mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bà O còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 04/01/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trường hợp trong các văn bản tín dụng nêu trên, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 1,546,962 (một triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P số 0057983 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà O phải nộp số tiền án phí là 4,208,474 (bốn triệu hai trăm lẽ tám ngàn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào